

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam

Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2011

Kết thúc vào ngày 31/03/2011

NỘI DUNG

- | | |
|---|------------|
| 1 - Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2011 | : 03 trang |
| 2 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý I năm 2011 | : 01 trang |
| 3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến 31/03/2011 | : 01 trang |
| 4 - Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2011 | : 13 trang |

Tháng 04 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011Báo cáo tài chính quý 1 năm
2011
Mẫu số: Q -01d

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2011)	Số đầu kỳ (01/01/2011)
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		52 850 738 000	48 389 449 913
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1 441 633 561	1 696 514 381
1. Tiền	111	V.01	1 441 633 561	1 696 514 381
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		270 650 563	310 227 352
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		1 170 982 998	1 386 287 029
- Tiền đang chuyển	11C			
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39 555 644 765	39 061 850 177
1. Phải thu của khách hàng	131		41 726 171 587	41 797 183 022
2. Trả trước cho người bán	132		441 153 331	65 841 841
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	391 861 410	202 366 877
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-3 003 541 563	-3 003 541 563
IV. Hàng tồn kho	140		7 049 285 931	3 412 871 206
1. Hàng tồn kho	141	V.04	7 049 285 931	3 412 871 206
- Hàng mua đang đi trên đường	148		208 680 000	96 143 999
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		2 625 512 176	1 706 812 022
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143			
- Chi phí SXKD dở dang	144		534 504 117	534 504 117
- Hàng gửi đi bán	147		3 680 589 638	1 075 411 068
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4 804 173 743	4 218 214 149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3 009 235 653	2 528 599 906
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		19 399 285
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1 794 938 090	1 670 214 958
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		26 028 133 949	26 899 176 570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		18 446 221 949	19 289 264 570
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	12 272 790 839	12 900 583 112
- Nguyên giá	222		23 037 863 191	23 037 863 191
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-10 765 072 352	-10 137 280 079
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	3 841 337 442	4 043 559 333

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2011)	Số đầu kỳ (01/01/2011)
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	225		5 869 605 642	5 869 605 642
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-2 028 268 200	-1 826 046 309
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	2 332 093 668	2 345 122 125
- Nguyên giá	228		2 605 691 260	2 605 691 260
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 273 597 592	- 260 569 135
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6 898 995 340	6 926 995 340
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6 898 995 340	6 926 995 340
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác (260=261+262+268)	260		682 916 660	682 916 660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		682 916 660	682 916 660
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		78 878 871 949	75 288 626 483
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		46 203 039 293	42 684 150 638
I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320)	310		44 859 127 614	41 340 238 959
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	21 458 308 826	23 418 890 981
- Vay ngắn hạn			20 240 000 000	21 740 000 000
- Nợ dài hạn đến hạn trả			1 218 308 826	1 678 890 981
2. Phải trả cho người bán	312		20 438 647 441	16 324 883 935
3. Người mua trả tiền trước	313		2 540 267 688	928 118 000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	159 076 930	479 368 462
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17	43 466 364	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	723 705 734	693 322 950
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		- 504 345 369	- 504 345 369
II. Nợ dài hạn (330=331+332+333+334+335+336+337)	330		1 343 911 679	1 343 911 679
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1 343 911 679	1 343 911 679
- Vay dài hạn	327		70 005 012	70 005 012
- Nợ dài hạn	328		1 273 906 667	1 273 906 667
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		32 675 832 656	32 604 475 845
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	32 675 832 656	32 604 475 845
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27 482 700 000	27 482 700 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2011)	Số đầu kỳ (01/01/2011)
1	2	3	4	5
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2 027 762 786	2 027 762 786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 134 499 474	1 134 499 474
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2 030 870 396	1 959 513 585
- Lãi chưa phân phối	41A		2 030 870 396	1 959 513 585
- Lãi lỗ chưa kết chuyển trong kỳ	41B			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	41B			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	42A			
- Chi sự nghiệp	42B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	440		78 878 871 949	75 288 626 483

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ Tiêu				
1. Tài sản thuê ngoài	N01	V.24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	N03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04			
5. Ngoại tệ các loại	N05			
6. Hạn mức kinh phí còn lại	N06			
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản	N09			

Ngày 20 tháng 04 năm 2011

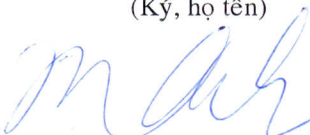
Người lập biểu

(Ký, họ tên)


Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

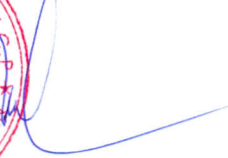
(Ký, họ tên)


Vũ Xuân Mạch

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên)




Phạm Văn Tiến

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ I NĂM 2011**

Báo cáo tài chính Quý I năm
2011
Mẫu số: Q - 02d

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 31/03/2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 31/03/2010
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	24 317 029 984	26.683.724.569	24 317 029 984	26 683 724 569
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		24.317.029.984	26.683.724.569	24 317 029 984	26 683 724 569
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	23 163 972 199	23.770.242.233	23 163 972 199	23 770 242 233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.153.057.785	2.913.482.336	1 153 057 785	2 913 482 336
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	10 339 874	27.479.614	10 339 874	27 479 614
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	863 912 062	691.701.814	863 912 062	691 701 814
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		863 912 062	691.701.814	863 912 062	691 701 814
8. Chi phí bán hàng	24		173 970 403	147.567.827	173 970 403	147 567 827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1 035 017 488	1.073.103.706	1 035 017 488	1 073 103 706
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30		-909.502.294	1.028.588.603	- 909 502 294	1 028 588 603
11. Thu nhập khác	31		1 038 059 845	102.900.500	1 038 059 845	102 900 500
12. Chi phí khác	32			43.634.491		43 634 491
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.038.059.845	59.266.009	1 038 059 845	59 266 009
14. Phần lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		128.557.551	1.087.854.612	128 557 551	1 087 854 612
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	24 516 515	110.351.634	24 516 515	110 351 634
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51-52)	60		104.041.036	977.502.978	104 041 036	977 502 978
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		38	356	38	356

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

Phan Văn Vàng

Vũ Xuân Mạch



Phạm Văn Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Báo cáo tài chính Quý I
năm 2011
Mẫu số: Q - 03d

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2010
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		28 629 519 653	31 468 341 942
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-5 654 562 038	-7 963 352 558
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-1 527 168 208	-1 985 488 818
4. Tiền chi trả lãi vay	04		- 863 912 062	- 691 701 814
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản khác cho nhà nước	05		- 395 720 724	- 98 974 058
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1 201 249 782	976 287 649
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-2 012 232 275	-3 244 373 579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20+30+40)	20		19 377 174 128	18 460 738 764
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			37 642 500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-1 942 850 000
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		28 000 000	728 000 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10 339 874	27 479 614
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		38 339 874	-1 149 727 886
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ trả nợ gốc vay	34		-19 670 394 822	-18 733 213 919
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			- 239 896 000
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-19 670 394 822	-18 973 109 919
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50		- 254 880 820	-1 662 099 041
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1 696 514 381	3 334 787 155
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	1 441 633 561	1 672 688 114

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

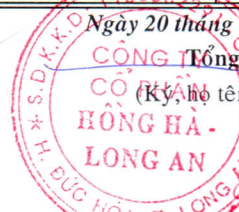
(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Mạch

Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)



Phạm Văn Tiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2011

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo biên bản thỏa thuận số 01/05/BB-HHLA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100682291 (số cũ 5003000119) ngày 14/09/2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 08/12/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Long An cấp.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh

3- Ngành nghề kinh doanh

- 1- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành : 4290 chính)
- 2- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (mã 46204).
- 3- Bán buôn thủy sản (mã ngành 46322).
- 4- Bán buôn gạo (mã ngành 46310).
- 5- Bán lẻ thủy trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành : 47222).
- 6- *Xây dựng, xây lắp, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình giao thông thủy lợi, cấp thoát nước, Xử lý môi trường, Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản, Kinh doanh bất động sản Cung cấp , lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh, Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hoá chất (Trừ hoá chất có tính độc hại mạnh). Mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hoá. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí. Bán buôn hóa chất. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.*

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không thay đổi nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý I năm 2011.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán Việt nam đồng (VND)

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà Nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành áp dụng.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm máy vi tính

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

-Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu và chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng hóa tồn kho

- | | |
|---|--|
| -Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: | Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho. |
| -Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho | Kiểm kê định kỳ |
| -Phương pháp hạch toán hàng tồn kho | Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. |
| -Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | |

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

-Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
-Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
-Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
-Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
-Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
-Tài sản cố định vô hình	50 năm
-Tài sản thuê tài chính	06 - 08 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16

"Chi phí đi vay".

-Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

-Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác.

-Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì ước ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính : VND

01 - TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng
- Tiền đang chuyển

Số cuối quý I**Số đầu năm 2011**

270.650.563

310.227.352

1.170.982.998

1.386.287.029

Cộng**1.441.633.561****1.696.514.381**

Ghi chú : -Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 31/03/2011.

-Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 31/03/2011.

02 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn
- Đầu tư ngắn hạn khác
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Số cuối quý I**Số đầu năm 2011****Cộng****03 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

- Phải thu khách hàng
- Trả trước cho người bán
- Các khoản phải thu khác
 - + Cty Cho Thuê tài chính Quốc tế VILC
 - + Cty Cho thuê Tài chính CILC
 - + Phải thu khác (nợ TK 338)
 - + Thuế TNCN phải thu người lao động
 - + Phải thu người lao động tiền BHXH
 - + Thuế GTGT chưa kê khai khấu từ
 - + Phải thu Cty TNHH Phương Nga

Số cuối quý I**Số đầu năm 2011**

41.726.171.587

41.797.183.022

441.153.331

65.841.841

391.861.410

202.366.877

127.900.816

140.798.092

2.238.084

5.595.228

6.873.815

6.873.815

44.289.495

44.289.495

18.211.200

4.810.247

192.348.000

- Dự phòng phải thu khó đòi

-3.003.541.563**-3.003.541.563****Cộng****39.555.644.765****39.061.850.177**

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

04 - Hàng tồn kho	Số cuối quý I	Số đầu năm 2011
+ Giá gốc hàng tồn kho	7.049.285.931	3.412.871.206
- Hàng mua đi đường	208.680.000	96.143.999
- Nguyên liệu ,vật liệu tồn kho	2.625.512.176	1.706.812.022
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	4.215.093.755	1.609.915.185
- Thành phẩm		
- Hàng hóa		
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	7.049.285.931	3.412.871.206

-Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khớp với biên bản kiểm kê kho tại ngày 31/03/2011

-(*) : Giá trị trên chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc 31/03/2011 nhưng chưa được khách hàng xác nhận và hồ sơ liên quan để phát hành hóa đơn, đơn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa đơn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.

-Trong số dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có 534.504.117 đồng là khoản chi phí lắp đặt trạm trộn bê tông 30 m3/h cho Cty Cổ Phần Đầu tư & XD Công Nghệ 10 theo hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 31/03/2011 vẫn chưa quyết toán xong với khách hàng.

05 -CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN	Số cuối quý I	Số đầu năm 2011
-Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	67.469.229	72.511.741
-Chi phí sửa chữa tài sản	2.544.578.544	402.574.885
-Chi phí khác	397.187.880	2.053.513.280

Cộng

3.009.235.653

2.528.599.906

06 -TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

-Các khoản tạm ứng cá nhân

Số cuối quý I

1.794.938.090

Số đầu năm 2011

1.670.214.958

Cộng

1.794.938.090

1.670.214.958

07 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa

- Thuế GTGT được khấu trừ

- Các khoản khác phải nộp Nhà nước

Số cuối quý I

Số đầu năm 2011

Cộng

0

0

08 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	4.438.855.154	6.083.354.027	12.153.894.970	169.365.703	192.393.337	23.037.863.191
Số dư đầu quý	4.438.855.154	6.083.354.027	12.153.894.970	169.365.703	192.393.337	23.037.863.191
-Mua trong quý						0
-Đầu tư XD CB hoàn thành						0
-Tăng khác						0
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý	4.438.855.154	6.083.354.027	12.153.894.970	169.365.703	192.393.337	23.037.863.191
Giá trị hao mòn lũy kế	1.929.923.722	2.747.820.397	5.875.464.408	146.557.756	62.527.803	10.762.294.086
Số dư đầu quý	1.821.211.999	2.552.833.786	5.560.950.063	141.787.993	57.717.972	10.134.501.813
-Khấu hao trong quý	108.711.723	194.986.611	314.514.345	4.769.763	4.809.831	627.792.273

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Tăng khác							0
-Chuyển sang BĐS đầu tư							0
-Thanh lý, nhượng bán							0
-Giảm khác							0
Số dư cuối quý							0
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	2.508.931.432	3.335.533.630	6.278.430.562	22.807.947	129.865.534	12.275.569.105	
-Tại ngày đầu năm	2.617.643.155	3.530.520.241	6.592.944.907	27.577.710	134.675.365	12.903.361.378	
-Tại ngày cuối năm	2.508.931.432	3.335.533.630	6.278.430.562	22.807.947	129.865.534	12.275.569.105	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	-	1.086.595.861	4.783.009.781	-	-	5.869.605.642
Số dư đầu quý		1.086.595.861	4.783.009.781			5.869.605.642
-Thuê tài chính trong quý						-
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác						-
Số dư cuối quý		1.086.595.861	4.783.009.781			5.869.605.642
Giá trị hao mòn lũy kế	-	135.824.484	1.892.443.716	-	-	2.028.268.200
Số dư đầu quý		101.868.363	1.724.177.946			1.826.046.309
-Khấu hao trong quý		33.956.121	168.265.770			202.221.891
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác						-
Số dư cuối quý		-				-
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính	-	950.771.377	2.890.566.065	-	-	3.841.337.442
-Tại ngày đầu năm		984.727.498	3.058.831.835			4.043.559.333
-Tại ngày cuối năm		950.771.377	2.890.566.065			3.841.337.442

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Quyền sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				2.605.691.260		
Số dư đầu Quý				2.605.691.260		
-Mua trong quý 4						
-Tạo ra từ nội bộ DN						
-Tăng do hợp nhất kinh doanh						
-Tăng khác						
-Thanh lý, nhượng bán						
-Giảm khác						
Số dư cuối năm				2.605.691.260		
Giá trị hao mòn lũy kế				273.597.591		

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Số dư đầu quý				260.569.134		
-Khấu hao trong quý 4				13.028.457		
-Tăng khác						
-Thanh lý, nhượng bán						
-Giảm khác						
Số dư cuối quý 4				273.597.591		
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				2.332.093.669		
-Tại ngày đầu năm				2.345.122.126		
-Tại ngày cuối năm				2.332.093.669		

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số cuối quý I

Số đầu năm 2011

- Tổng số chi phí XD CB dở dang
- Trong đó (những công trình lớn)
- + NM BTHHBR-VT số 1

12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá BĐS đầu tư				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

13 - Đầu tư dài hạn khác

Số cuối quý I

Số đầu năm 2011

- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP ĐT & PT Hồng Hà
- Đầu tư CP Công ty CP Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu

Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
33	145.340	33	145.340
629.685	6.296.850.000	629.685	6.296.850.000
60.200	602.000.000	63.000	630.000.000

Cộng	6.898.995.340	6.926.995.340
-------------	----------------------	----------------------

- Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư dài hạn vào Cty Cổ Phần Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu do trong kỳ cổ phiếu giảm 2.800 CP tương ứng 28.000.000 đồng là do Công ty Cổ Phần Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 4% vốn điều lệ, Công ty nhận lại tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

14 - TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC		Số cuối quý I	Số đầu năm 2011
- Ký quỹ thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC)		423.289.945	423.289.945
- Đặt cọc mua xe trộn bê tông & xe bơm ngang Cty Cho thuê tài chính (CILC)		187.626.715	187.626.715
-Đặt cọc thuê mặt bằng NMBTHHLA số 2		72.000.000	72.000.000
Cộng		682.916.660	682.916.660
15 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN		Số cuối quý I	Số đầu năm 2011
- Vay ngắn hạn		20.240.000.000	21.740.000.000
+Vay ngắn hạn NH ĐT & PT - CN TP. HCM		20.000.000.000	20.000.000.000
+Vay ngắn hạn Cty CP Đầu tư & Phát triển Hồng Hà			1.500.000.000
+Vay ngắn hạn của các cá nhân		240.000.000	240.000.000
* Phạm Văn Tiến			
* La Vĩnh Nhơn		80.000.000	80.000.000
* Vũ Xuân Mạch		10.000.000	10.000.000
* Nguyễn Trần Long		150.000.000	150.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		1.218.308.826	1.678.890.981
+Ngân hàng ĐT & PT - CN TP. HCM		462.000.000	616.000.000
+Ngân hàng ANZ			5.700.365
+Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC)		495.237.402	704.619.192
+Công ty cho thuê tài chính Quốc tế CILC		261.071.424	352.571.424
-Phải trả người bán		20.438.647.441	16.324.883.935
-Người mua trả trước		2.540.267.688	928.118.000
Cộng		44.437.223.955	40.671.892.916
Ghi chú :			
-Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 31/03/2011			
-Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 31/03/2011			
-Số dư phải trả người bán khớp với biên bản xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2011			
16 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		Số cuối quý I	Số đầu năm 2011
- Thuế giá trị gia tăng		60.114.962	382.774.074
- Thuế tiêu thụ đặc biệt			
- Thuế xuất, nhập khẩu			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		5.117.230	
- Thuế thu nhập cá nhân			
- Thuế tài nguyên			
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất			
- Các loại thuế khác		93.844.738	96.594.388
-Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			
Cộng		159.076.930	479.368.462
17 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ		Số cuối quý I	Số đầu năm 2011
-Chi phí lãi vay vốn cố định			
-Chi phí thuê bơm bê tông			
-Chi phí thí nghiệm mẫu			
-Chi phí phải trả khác			
Cộng		0	0
18 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC		Số cuối quý I	Số đầu năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	380.421.391	371.163.247
- Bảo hiểm xã hội	45.749.847	864.836
- Bảo hiểm y tế	8.842.428	
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.977.568	
- Phải trả cổ tức (cổ đông)	60.460.000	60.460.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	85.000.000	134.500.000
- Các khoản phải trả khác	139.254.500	75.617.140
-Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới		
Cộng	723.705.734	642.605.223

19 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm 2011</u>
a - Vay dài hạn	70.005.012	70.005.012
+Vay dài hạn ngân hàng ĐT & PT - CN TP. HCM	70.005.012	70.005.012
+Vay dài hạn ngân hàng ANZ		
- Trái phiếu phát hành		
b - Nợ dài hạn	1.273.906.667	1.273.906.667
+Thuê tài chính - Cty Cho thuê Tài chính VILC	1.138.478.091	1.138.478.091
+Thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính CILC	135.428.576	135.428.576
Cộng	1.343.911.679	1.343.911.679

c - Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay (Quý I/2011)			Năm trước (Quý I/2010)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm	374.555.141	73.673.351	300.881.790	282.248.180	72.628.871	209.619.309
Trên 5 năm						

20 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm 2011</u>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		

b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm 2011</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

21 - Vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (LN chưa PP)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	NV đầu tư XDCVB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000		3.083.930.179		2.027.762.786	1.134.499.474		
-Tăng vốn trong năm trước			1.773.423.616					
-Lãi trong năm trước								
-Tăng khác								
-Giảm vốn trong năm trước			2.748.270.000					
-Lỗ trong năm trước			149.570.210					
-Giảm khác								
Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	27.482.700.000		1.959.513.585		2.027.762.786	1.134.499.474		
-Tăng vốn trong năm nay								
-Lãi trong năm nay								
-Tăng khác			71.356.811					
-Giảm vốn trong năm nay								
-Lỗ trong năm nay								
-Giảm khác								
Số dư cuối năm nay	27.482.700.000		2.030.870.396		2.027.762.786	1.134.499.474		

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Số cuối quý I

Số đầu năm 2011

- Vốn góp của Nhà nước

- Vốn góp của các cổ đông

27.482.700.000

27.482.700.000

(Bao gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác)

Cộng

27.482.700.000

27.482.700.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Số cuối quý I

Số đầu năm 2011

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

27.482.700.000

27.482.700.000

+ Vốn góp đầu năm

27.482.700.000

27.482.700.000

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d - Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		
d - Cổ phiếu	Số cuối quý I	Số đầu năm 2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.748.270	2.748.270
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	(10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng/cổ phiếu)	
e - Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối quý I	Số đầu năm 2011
- Quỹ đầu tư phát triển	2.027.762.786	2.027.762.786
- Quỹ dự phòng tài chính	1.134.499.474	1.134.499.474
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-504.345.369	-504.345.369
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay (31/03/2011)</u>	<u>Quý trước (Q1/2010)</u>
22 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 01)	24.317.029.984	26.683.724.569
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	24.317.029.984	26.683.724.569
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Cộng	24.317.029.984	26.683.724.569
23 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (Mã số 02)	Năm nay (31/03/2011)	Quý trước (Q1/2010)
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
24 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 10)	Năm nay (31/03/2011)	Quý trước (Q1/2010)
Trong đó		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	24.317.029.984	26.683.724.569
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Cộng		24.317.029.984	26.683.724.569
25 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Mã số 11)		Năm nay (31/03/2011)	Quý trước (Q1/2010)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		23.163.972.199	23.770.242.233
Cộng		23.163.972.199	23.770.242.233
26 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Mã số 21)		Năm nay (31/03/2011)	Quý trước (Q1/2010)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		10.339.874	27.479.614
- Cổ tức, lợi nhuận được chia			
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện			
- Chiết khấu thanh toán được hưởng			
- Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán			
- Doanh hoạt động tài chính khác			
Cộng		10.339.874	27.479.614
27 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Mã số 22)		Năm nay (31/03/2011)	Quý trước (Q1/2010)
- Chi phí lãi vay vốn cố định (vay dài hạn NH)		23.890.052	62.135.877
- Chi phí lãi vay vốn lưu động (vay ngắn hạn NH)		756.643.453	549.265.066
- Chi phí lãi thuê tài chính		73.673.351	72.628.871
- Chi phí lãi vay cá nhân và các đối tượng khác		9.705.206	7.672.000
- Chi phí tài chính khác			
Cộng		863.912.062	691.701.814
28 - CHI PHÍ THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ (Mã số 51)		Năm nay (31/03/2011)	Quý trước (Q1/2010)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		128.557.551	1.087.854.612
-Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành			
-Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay			
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		128.557.551	1.087.854.612
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		24.516.515	110.351.634
-Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Mã số 52)			
-Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		104.041.036	977.502.978
Ghi chú :			
-Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.			
-Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%			
-Công ty đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.			
29 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN QUÝ 1 NĂM 2011		Năm nay (31/03/2011)	
1 -Lợi nhuận năm 2010 còn lại chưa phân phối		1.959.513.585	
3 -Lợi nhuận kinh doanh quý I năm 2011		104.041.036	
4 -Tổng lợi nhuận đến 31/03/2011 (=2+3)		2.063.554.621	
-Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế		32.684.225	
+Chi nộp phạt vi phạm giao thông		3.850.000	
+Chi nộp phạt vi phạm về thuế		1.584.225	
+Thù lao HĐQT+BKS		17.500.000	
+Chi phí khác		9.750.000	
+Trích lập các quỹ		0	
-Quỹ dự phòng tài chính (5%)			
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)			

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

*-Quỹ đầu tư phát triển (10%)***-Lợi nhuận còn lại đến 31/03/2011****2.030.870.396****30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

<u>Năm nay (31/03/2011)</u>	<u>Quý trước (Q1/2010)</u>
104.041.036	977.502.978
2.748.270	2.748.270
38	356

31 - Chi phí sản xuất , kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

<u>Năm nay (31/03/2011)</u>	<u>Quý trước (Q1/2010)</u>
21.638.046.318	20.511.397.274
1.088.668.509	1.292.105.994
843.042.621	813.918.636
1.092.153.490	776.614.611
2.317.259.480	2.545.211.600
26.979.170.418	25.939.248.115

Cộng**VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- 32 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc 31/03/2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 20/04/2011.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

*Phan Văn Vàng***Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Mạch

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2011

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

*Phạm Văn Tiến*